

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẬN GIỜ
LẦU 2, KHU 2F-C1, TÒA NHÀ MIRAE BUSINESS CENTER
268 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG 15, QUẬN 10, TP HỒ CHÍ MINH
MST: 0302664945

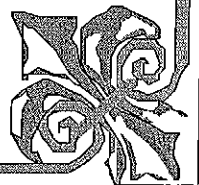
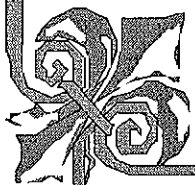


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ: 01/2015

BÁO CÁO GỒM:

- **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
- **KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**
- **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
- **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÂN GIỜ VÀ CÔNG TY CON
 Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220,862,661,334
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,680,692,533
Tiền	111	V.01	2,680,692,533
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109,589,872,870
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	96,900,894,293
Trả trước cho người bán	132	V.04	4,311,586,720
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	8,642,074,389
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(264,682,532)
Hàng tồn kho	140	V.06	101,649,612,115
Hàng tồn kho	141		101,664,646,685
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15,034,570)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6,942,483,816
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	85,164,385
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,208,433,703
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		195,574,311
Tài sản ngắn hạn khác	155	V.08	1,453,311,417
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95,295,715,382
Các khoản phải thu dài hạn	210		-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-
Phải thu dài hạn khác	216		-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-
Tài sản cố định	220		62,087,173,882
TSCĐ hữu hình	221	V.09	62,087,173,882
Nguyên giá	222		106,319,686,783
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44,232,512,901)
TSCĐ thuê tài chính	224		-
Nguyên giá	225		-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-
TSCĐ vô hình	227		-
Nguyên giá	228		-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-
Bất động sản đầu tư	230		-
Nguyên giá	231		-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-
Tài sản dở dang dài hạn	240		9,061,830,431
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		9,061,830,431
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6,000,000,000
Đầu tư vào công ty con	251		-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	6,000,000,000

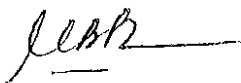
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-
Dự phòng dầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-
Tài sản dài hạn khác	260	18,146,711,069
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11 18,146,711,069
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-
Tài sản dài hạn khác	268	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	316,158,376,716

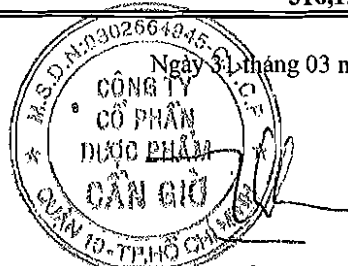
NGUỒN VỐN	MA SỐ	31/03/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300	315,531,404,037
Nợ ngắn hạn	310	232,991,203,257
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12 79,448,673,317
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13 27,524,277,393
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14 3,377,875,417
Phải trả người lao động	314	2,145,463,207
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15 82,104,280,730
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	(475,947,348)
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16 4,716,440,433
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17 35,800,435,740
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(1,650,295,632)
Quỹ bình ổn giá	323	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324	-
Nợ dài hạn	330	82,540,200,780
Phải trả người bán dài hạn	331	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-
Phải trả dài hạn khác	337	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18 82,540,200,780
Trái phiếu chuyển đổi	339	-
Cổ phiếu ưu đãi	340	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	626,972,679
Vốn chủ sở hữu	410	626,972,679
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19 110,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	-
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415	(4,258,914,058)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(46,159,100)
Quỹ đầu tư phát triển	418	2,556,125,701
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	89,343,863
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(107,713,423,727)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(110,708,395,966)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2,994,972,239
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-
Nguồn kinh phí	431	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	316,158,376,716



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng



ĐS Trần Cung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Vốn điều lệ đăng ký: 110,000,000,000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

Địa điểm kinh doanh: Công ty có bốn (04) địa điểm kinh doanh như sau

1./ Kho hàng Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ tại Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Nhà máy sản xuất US Pharma - Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ (Hoạt động độc lập) tại Lô B1-10 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường D2, Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

3./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Gian hàng F16 Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế tại số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

4./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Cửa hàng Dược phẩm Cần Giờ tại số 64 đường Duyên Hải, khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho Quý I/2015 bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con được liệt kê dưới đây:

Công ty con	Địa điểm	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường D2, Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	100%	100%

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoặc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán quý:

Kỳ kế toán quý bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc ngày 31/03/2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÂN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

4. Hợp nhất báo cáo

Quý I/2015, Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

(Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu.)

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

(Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03
Tài sản cố định khác	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo vốn chủ sở hữu. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập tại thời điểm cuối năm khi tổ chức kinh tế được Công ty đầu tư vào bị lỗ.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ lục góp của chủ sở hữu

10. Ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

13. Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

14. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẬN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

6. Hàng tồn kho					31/03/2015
Hàng mua đang đi trên đường					
Nguyên liệu, vật liệu					32,606,338,771
Công cụ, dụng cụ					279,205,000
Thành phẩm					58,489,955,757
Hàng hoá					10,288,766,460
Hàng gửi đi bán					380,877
Cộng giá gốc hàng tồn kho					101,664,646,865
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho					(15,034,750)
Giá trị thuần có thể thực hiện được					101,649,612,115
<i>(*) Trong năm Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầy đủ cho những hàng hóa hư hỏng và quá hạn sử dụng.</i>					
7. Chi phí trả trước ngắn hạn					31/03/2015
Công cụ dụng cụ và chi phí quản lý chờ phân bổ					85,164,385
Chi phí thuê văn phòng					-
Tổng cộng					85,164,385
8. Tài sản ngắn hạn khác					31/03/2015
Nhân viên tạm ứng					1,116,776,929
Ký quỹ, ký cược					336,534,488
Tổng cộng					1,453,311,417
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ	
Nhà cửa, vật kiến trúc	43,394,513,637	-	-	43,394,513,637	
Máy móc thiết bị	55,989,503,367	127,070,552	1,174,545,455	54,942,028,464	
PTVT, truyền dẫn	4,814,347,446	2,540,309,091	-	7,354,656,537	
Dụng cụ quản lý	628,488,145	-	-	628,488,145	
Tổng	104,826,852,595	2,667,379,643	1,174,545,455	106,319,686,783	
Khấu hao lũy kế					
Nhà cửa, vật kiến trúc	18,675,069,234	858,064,182	-	19,533,133,416	
Máy móc thiết bị	20,276,419,156	1,053,007,796	-	21,329,426,952	
PTVT, truyền dẫn	2,641,902,584	99,561,804	-	2,741,464,388	
Dụng cụ quản lý	628,488,145	-	-	628,488,145	
Tổng	42,221,879,119	2,010,633,782	-	44,232,512,901	
Giá trị còn lại					
Nhà cửa, vật kiến trúc	18,675,069,234	-	-	23,861,380,221	
Máy móc thiết bị	20,276,419,156	-	-	33,612,601,512	
PTVT, truyền dẫn	2,641,902,584	-	-	4,613,192,149	
Dụng cụ quản lý	628,488,145	-	-	-	
Tổng	42,221,879,119	-	-	62,087,173,882	
10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					31/03/2015
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh					
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ (*)					6,000,000,000
Tổng cộng					6,000,000,000
<i>(*) Giá trị đầu tư được hạch toán theo nguyên giá do không có cơ sở để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.</i>					

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÂN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**QUÝ I/2015**

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2015
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11,158,405,105
Chi phí thuê đất	3,531,903,294
Hủy hàng hư hỏng, quá hạn sử dụng	3,456,402,670
Tổng cộng	18,146,711,069
12. Phải trả người bán	31/03/2015
Phải trả các bên liên quan <i>(Chi tiết tại mục VII. Giao dịch với các bên liên quan)</i>	25,456,067,975
Phải trả bên thứ ba	53,992,605,342
Tổng cộng	79,448,673,317
13. Người mua trả tiền trước	31/03/2015
Trả trước của bên thứ ba	27,524,277,393
Tổng cộng	27,524,277,393
14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	31/03/2015
Thuế giá trị gia tăng	2,188,332,419
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Thuế thu nhập cá nhân	435,322,050
Thuế nhà đất	3,999,640
Các loại thuế khác	750,221,308
Tổng cộng	3,377,875,417
Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.	
15. Chi phí phải trả	31/03/2015
Chi phí lãi vay phải trả	80,223,634,202
Chi phí hoạt động khác	1,880,646,528
Tổng cộng	82,104,280,730
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/03/2015
Tài sản thừa chờ xử lý	4,700,000
Bảo hiểm y tế	178,159,312
Bảo hiểm xã hội	767,936,795
Bảo hiểm thất nghiệp	68,827,184
Kinh phí công đoàn	143,575,203
Cổ tức phải trả	2,019,575,800
Phải trả bên thứ ba	1,533,666,139
Tổng cộng	4,716,440,433
17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/03/2015
Vay ngắn hạn	
<i>Vay ngân hàng</i>	16,222,293,886
<i>Vay cá nhân, tổ chức khác</i>	19,578,141,854
Tổng cộng	35,800,435,740
18. Vay và nợ dài hạn	31/03/2015
Vay dài hạn	
<i>Vay Ngân hàng</i>	82,540,200,780
Tổng cộng	82,540,200,780

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2015

19. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/03/2015
Vốn góp của Nhà nước	1,563,610,000
Vốn góp của các cổ đông khác	108,436,390,000
Tổng cộng	110,000,000,000

b. Cổ phiếu

	31/03/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,000,000
- Số lượng cổ phiếu quỹ (*)	264,292
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	264,292
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (**)	10,735,708
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10,735,708

(*) Trong năm 2002 Công ty ghi nhận vốn góp của năm (05) cổ đông nhưng chưa thu tiền nên "treo" ở tài khoản phải thu khác 4.258.914.058 đồng, tương đương 264.292 cổ phần. Sau đó cổ đông cũng không góp tiền, việc này không phù hợp với quy định. Nay Công ty tạm phân loại số cổ phần đó thành cổ phiếu quỹ để xóa khoản phải thu không thu được tiền.

(**) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển	31/03/2015
	2,556,125,701
	2,556,125,701

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	31/03/2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,530,299,051
Trong đó:	
Doanh thu bán hàng	66,530,299,051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	470,125,496
Hàng bán bị trả lại	470,125,496
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,060,173,555
4. Giá vốn hàng bán	31/03/2015
Giá vốn của hàng hoá	51,386,257,172
Tổng cộng	51,386,257,172
5. Doanh thu hoạt động tài chính	31/03/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,522,613
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,782,572
Tổng cộng	12,305,185
6. Chi phí tài chính	31/03/2015
Chi phí lãi vay	1,829,361,048
Lỗ chênh lệch tỷ giá	97,265,967
Tổng cộng	1,926,627,015
7. Thu nhập khác	31/03/2015
Thu nhập khác	514,039,493
Tổng cộng	514,039,493
8. Chi phí khác	31/03/2015
Chi phí khác	154,388,855
Tổng cộng	154,388,855
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ VÀ CÔNG TY CON

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**QUÝ I/2015**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	31/03/2015
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (đồng)	2,994,972,239
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10,735,708
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tính trên bình quân gia quyền của số phiếu phổ thông đang lưu hành (đồng)	279

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**1. Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty con
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ	Công ty liên kết
Công ty Dược Sài Gòn (Saphaco)	Cổ đông quản lý vốn Nhà nước

2. Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan

Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính với các bên liên quan

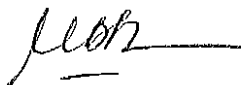
	31/03/2015
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Saphaco)	
Phải thu tiền bán hàng hóa	979,050,593
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ	
Phải thu khác	3,803,800,000
Cộng các khoản phải thu	4,782,850,593
	31/03/2015
Công ty Dược Sài Gòn (Saphaco)	
Phải trả tiền mua hàng hóa	25,456,067,975
Cộng các khoản phải trả	25,456,067,975

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I/2015**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính Quý I/2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng

